

QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND
MAFM VNDIAMOND ETF

Số/No: 638/2026/CV-MAFM

CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2026

Hanoi, day 07 month 05 year 2026

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)/ Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited

- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam/ Shinhan Bank Vietnam Limited

- Tên Quỹ ETF/ ETF name: QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND

- Mã chứng khoán/ Securities symbols: FUEMAVND

- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, KĐT M Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Hà Nội/ 38F, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Plot E6, Cau Giay New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi

- Điện thoại/ Tel: 024 3564 0666

Fax: 024 3564 0555

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 6/5/2026

- Đơn vị tính lô/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng Khoán/ Stock		99.4%
1	ACB	4700	6.9%
2	BMP	100	1.0%
3	CTD	300	1.7%
4	CTG	900	2.1%
5	FPT	3100	14.9%
6	GMD	1600	8.0%
7	HDB	3200	5.5%
8	KDH	500	0.8%
9	MBB	4300	7.2%
10	MSB	2300	1.9%
11	MWG	2700	14.8%
12	NLG	1600	2.8%
13	OCB	600	0.4%
14	PNJ	2500	10.9%
15	REE	1000	3.9%
16	TCB	4200	9.0%
17	TPB	1200	1.3%
18	VPB	3500	6.3%
II.	Tiền/ Cash (VND)	9,174,292	0.6%
III.	Tổng Cộng/ Total		100.0%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,536,435,000 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,545,609,292 VND

+ Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 9,174,292 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to deal with the difference:

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch / Transfer the difference into the Fund's escrow account

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF / With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be replaced by cash, state reason:

